

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN-Bổ sung
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 3, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Quản trị chi phí		
Mã học phần:	71ACCT40222	Số tin chỉ:	2
Mã nhóm lớp học phần:	233_71ACCT40222-01,02		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	75	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu: (giấy và file đã down về máy)</i>	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	

Hình thức làm tự luận : Gõ trực tiếp vào ô trả lời hoặc đính kèm file word, excel (không đính kèm hình ảnh)

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Vận dụng mối quan hệ giữa chi phí- khối lượng- lợi nhuận vào từng trường hợp cụ thể	Trắc Nghiệm	20%	Câu 1,2,3,4,5	0.4đ/câu (tổng điểm 5 câu là 2 điểm)	PI3.1
		Tự luận	30%	Câu 11	3 điểm	PI3.2
CLO2	Xác định phương pháp tính giá thành trong doanh nghiệp phục vụ ra quyết định cho doanh nghiệp	Trắc Nghiệm	20%	Câu 6,7,8,9,10	0.4đ/câu (tổng điểm 5 câu là 2 điểm)	PI3.2
CLO3	Thực hiện tính giá thành một cách độc lập và thành thạo	Tự luận	30%	Câu 12	3 điểm	PI8.1

III. Nội dung câu hỏi thi**PHẦN TRẮC NGHIỆM 10 câu (4 điểm- 0.4 điểm/câu)****Câu 1:**

Công ty ABC có các dữ liệu như sau:

+ Tổng định phí: \$ 60.000

+ Giá bán: \$ 40/sản phẩm

+ Biến phí cho 1 sản phẩm: \$ 25/sản phẩm

Nếu giá bán tăng 25% thì điểm hòa vốn về mặt số lượng là:

A. 2.400 sản phẩm

B. 4.000 sản phẩm

C. 1.200 sản phẩm

D. 2.000 sản phẩm

ANSWER: A

Câu 2:

Doanh nghiệp ABC hiện đang kinh doanh sản phẩm A với đơn giá bán là 35.000đ/sp, biến phí đơn vị là 20.000đ/sp và định phí hàng tháng là 100.000.000đ, sản lượng tiêu thụ hiện tại là 15.000sp. Độ lớn đòn bẩy kinh doanh trong trường hợp này là?

A. 1.8 lần

B. 0,55 lần

C. 2.4 lần

D. 1.3 lần

ANSWER: A

Câu 3

Thông tin sau liên quan tới điểm hòa vốn của công ty ABC

Doanh thu hòa vốn: 300.000 nghìn đồng

Tổng định phí : 120.000 nghìn đồng

Nếu công ty muốn đạt được lợi nhuận ròng là 20.000 nghìn đồng, thì doanh thu cần đạt là bao nhiêu?

A. 350.000 nghìn đồng

B. 250.000 nghìn đồng

C. 300.000 nghìn đồng

D. 280.000 nghìn đồng

ANSWER: A

Câu 4

Công ty A có thông tin về hoạt động của năm ngoái như sau: (nghìn đồng)

Doanh thu (5.000 sp) 150.000

Biến phí 60.000

Định phí 54.000

Lợi nhuận ròng 36.000

Số dư an toàn của công ty về mặt sản lượng là bao nhiêu sản phẩm?

A. 2.000 sản phẩm

B. 3.000 sản phẩm

C. 1.250 sản phẩm

D. 2.800 sản phẩm

ANSWER: A

Câu 5

Công ty Moon bán ba sản phẩm. Tỷ lệ số dư đảm phí và doanh thu cho ba sản phẩm như sau:

	X	Y	Z
Doanh thu	65	80	130
Tỷ lệ số dư đảm phí	25%	35%	40%

Dựa trên dữ liệu đã cho, tính tỷ lệ số dư đảm phí của toàn công ty:

- A. 35%
- B. 33.33%
- C. 110%
- D. 100%

ANSWER: A

Câu 6

Công ty ABC có cung cấp thông tin về hệ thống giá thành dựa trên mức độ hoạt động như sau:

<i>Hoạt động</i>	<i>Tổng chi phí</i>	<i>Tổng mức hoạt động</i>
Lắp ráp	\$550.000	25.000 giờ máy
Xử lý đơn đặt hàng	\$38.700	2.000 đơn đặt hàng
Kiểm tra	\$112.500	1.500 giờ kiểm tra

Tỷ lệ phân bổ chi phí chung cho hoạt động **kiểm tra** là bao nhiêu?

- A. 75 \$/giờ kiểm tra
- B. 75 \$/sản phẩm
- C. 19,35 \$/sản phẩm
- D. 19,35 \$/đơn đặt hàng

ANSWER: A

Câu 7

Công ty X sử dụng chi phí dựa trên hoạt động. Công ty có hai sản phẩm: A và B. Số lượng sản xuất và tiêu thụ hàng năm của Sản phẩm A là 400 đơn vị và Sản phẩm B là 1.000 đơn vị. Có ba nhóm chi phí hoạt động, với chi phí ước tính và hoạt động dự kiến như sau:

Mức hoạt động ước tính

<i>Hoạt động</i>	<i>Chi phí</i>	<i>Sản phẩm A</i>	<i>Sản phẩm B</i>	<i>Tổng</i>
Activity 1	15.200	200	200	400
Activity 2	35.600	1.400	600	2.000
Activity 3	15.314	80	300	380

Chi phí cho mỗi đơn vị **sản phẩm A** là:

- A. 89,36 \$/sp
- B. 30,37 \$/sp
- C. 30,75 \$/sp
- D. 90,80 \$/sp

ANSWER: A

Câu 8

Công ty Sunflower sản xuất và bán một sản phẩm với giá \$45 một chiếc. Công ty không có hàng tồn kho đầu kỳ. Biến phí sản xuất trên mỗi đơn vị là \$15 và biến phí quản lý và bán hàng trên mỗi đơn vị là \$2. Tổng định phí sản xuất và định phí bán hàng và chi phí quản lý tổng cộng lần lượt là \$60.000

và \$13.000. Nếu Công ty Smith sản xuất 4.000 chiếc và bán 3.000 chiếc trong năm, thì thu nhập ròng từ hoạt động kinh doanh của công ty theo phương pháp khả biến sẽ là.

- A. \$11.000
- B. \$17.000
- C. \$47.000
- D. \$39.000

ANSWER: A

Câu 9

Công ty Smart sản xuất một sản phẩm duy nhất, một bánh răng đặc biệt được sử dụng trong hộp số tự động. Mỗi bánh răng được bán với giá 38 đô la và công ty bán được 50.000 bánh răng mỗi năm. Dữ liệu chi phí đơn vị được trình bày dưới đây:

	Biến phí	Định phí
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	\$ 9.00	
Chi phí nhân công trực tiếp	\$ 4.00	
Chi phí SXC	\$ 6.00	\$ 7.00
Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	\$ 3.00	\$ 5.00

Tính giá thành đơn vị sản phẩm theo phương pháp **toàn bộ**

- A. \$26
- B. \$22
- C. \$19
- D. \$34

ANSWER: A

Câu 10

Chinso Corporation sản xuất một sản phẩm duy nhất. Năm ngoái, công ty có thu nhập hoạt động ròng theo phương pháp giá thành toàn bộ là \$45.500. Hàng tồn kho đầu kỳ và cuối kỳ lần lượt là 10.000 đơn vị và 8.000 đơn vị. Nếu chi phí sản xuất cố định phân bổ trên 1 đơn vị là \$4,5 mỗi đơn vị, thì thu nhập hoạt động ròng sử dụng phương pháp giá thành **khả biến** là bao nhiêu?

- A. \$54.500
- B. \$36.500
- C. \$45.500
- D. \$43.500

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 11- 3 điểm

Công ty Minh Huy sản xuất và tiêu thụ được 25.000 sản phẩm X mỗi năm với giá bán mỗi sản phẩm là 9.000 đồng/cái. Tài liệu về chi phí tại mức tiêu thụ 25.000 sản phẩm như sau:

Biến phí sản xuất	120.000.000
Biến phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	15.000.000
Định phí sản xuất	52.000.000
Định phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	23.240.000

Yêu cầu (các yêu cầu độc lập với nhau):

1. Lập báo cáo kết quả kinh doanh theo hình thức số dư đảm phí, tại mức sản lượng tiêu thụ 25.000 sản phẩm. (Đầy đủ 3 cột: tổng, đơn vị, %). **(1.5 điểm)**
2. Tính sản lượng và doanh thu hòa vốn của công ty. **(0.5 điểm)**
3. Giả sử công ty có đủ năng lực tối đa để sản xuất 32.000 sản phẩm mỗi năm. Công ty có thể tăng mức tiêu thụ lên 20% so với hiện nay, nếu công ty tăng chi phí quảng cáo thêm 10.000.000 đồng/năm. Có nên thực hiện phương án này không? **(1 điểm)**

Câu 12- 3 điểm

Công ty Rose có thông tin về sản phẩm H2 như sau:

Giá bán trên 1 sản phẩm	\$135
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp trên 1 sp	\$35
Chi phí nhân công trực tiếp trên 1 sp	\$48
Số lượng sản phẩm sản xuất và bán 1 năm	400
Số giờ máy chạy 1 năm	560
Số đơn đặt hàng 1 năm	60
Số lần kiểm tra 1 năm	10

Thông tin về chi phí chung

Hoạt động	Chi phí	Mức độ hoạt động
Lắp ráp	525.000	35.000 Giờ máy
Xử lý đơn đặt hàng	32.800	1.600 Đơn đặt hàng
Kiểm tra	9.760	800 Giờ kiểm tra
Tổng	567.560	

Yêu cầu:

1. Tính giá thành đơn vị sản phẩm H2 theo phương pháp truyền thống (đầy đủ/ toàn bộ) (1đ)
Giả định chi phí chung phân bổ theo số giờ máy sản xuất.
2. Tính giá thành đơn vị sản phẩm H2 theo phương pháp giá thành dựa trên mức độ hoạt động. (2đ)

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phản câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		4.0	
Câu 1 – 10		0.4/câu	
II. Tự luận		6.0	
Câu 11		3.0	

Nội dung 1	<p><u>Lập báo cáo KQKD theo hình thức sổ dư đảm phí</u></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th></th> <th>Tổng</th> <th>Đơn vị</th> <th>%</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Doanh thu</td> <td>225.000.000</td> <td>9.000</td> <td>100%</td> </tr> <tr> <td>Biến phí</td> <td>135.000.000</td> <td>5.400</td> <td>60%</td> </tr> <tr> <td>Biến phí sản xuất</td> <td>120.000.000</td> <td>4.800</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Biến phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp</td> <td>15.000.000</td> <td>600</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Số dư đảm phí</td> <td>90.000.000</td> <td>3.600</td> <td>40%</td> </tr> <tr> <td>Định phí</td> <td>75.240.000</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Định phí sản xuất</td> <td>52.000.000</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Định phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp</td> <td>23.240.000</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Lợi nhuận</td> <td>14.760.000</td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>		Tổng	Đơn vị	%	Doanh thu	225.000.000	9.000	100%	Biến phí	135.000.000	5.400	60%	Biến phí sản xuất	120.000.000	4.800		Biến phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	15.000.000	600		Số dư đảm phí	90.000.000	3.600	40%	Định phí	75.240.000			Định phí sản xuất	52.000.000			Định phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	23.240.000			Lợi nhuận	14.760.000			1.5	
	Tổng	Đơn vị	%																																								
Doanh thu	225.000.000	9.000	100%																																								
Biến phí	135.000.000	5.400	60%																																								
Biến phí sản xuất	120.000.000	4.800																																									
Biến phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	15.000.000	600																																									
Số dư đảm phí	90.000.000	3.600	40%																																								
Định phí	75.240.000																																										
Định phí sản xuất	52.000.000																																										
Định phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	23.240.000																																										
Lợi nhuận	14.760.000																																										
Nội dung 2.	<p><u>Sản lượng hòa vốn:</u> Sản lượng hòa vốn = Định phí/ số dư đảm phí đơn vị = 75.240.000/3.600 = 20.900 sản phẩm (0.25đ)</p> <p><u>Doanh thu hòa vốn:</u> Doanh thu hòa vốn = Định phí/ tỷ lệ số dư đảm phí đơn vị = 75.240.000/40% = 188.100.000 đ (0.25đ)</p>	0.5																																									
Nội dung 3.	<p>Sản lượng tăng thêm 20% do đó sản lượng bán mới là: 25.000*1.2=30.000 sp (0.25đ)</p> <p>Định phí tăng thêm phần quảng cáo do đó định phí mới là: 75.240.000+10.000.000= 85.240.000 đồng (0.25đ)</p> <p>Ta có Phương trình lợi nhuận mới như sau: LN =Doanh thu -tổng biến phí -định phí=30.000*9.000-30.000*5.400-85.240.000 = 22.760.000 đồng (0.25đ)</p> <p>Vì lợi nhuận tăng hơn so với khi chưa tăng quảng cáo là 22.760.000 -14.760.000= 8.000.000 đồng. Do đó nên thực hiện PA tăng quảng cáo để tăng sản lượng. (0.25đ)</p>	1																																									
Câu 12		3.0																																									
Nội dung 1	<p><u>Theo phương pháp truyền thống</u></p> <p>Tỷ lên phân bổ chi phí chung: 567.560/35.000= 16.216 \$/giờ lao động (0.25đ)</p> <p>Giá bán trên 1 sản phẩm</p> <table border="1"> <tbody> <tr> <td>Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp trên 1 sp</td> <td>35</td> </tr> <tr> <td>Chi phí nhân công trực tiếp trên 1 sp</td> <td>48</td> </tr> <tr> <td>Chi phí chung phân bổ</td> <td>22,70</td> </tr> <tr> <td>Cộng</td> <td>105,70 (0.5đ)</td> </tr> </tbody> </table> <p>Trong đó chi phí chung phân bổ cho 1 sản phẩm theo giờ máy: (16.216*560)/400= 22,70 \$/sp (0.25đ)</p>	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp trên 1 sp	35	Chi phí nhân công trực tiếp trên 1 sp	48	Chi phí chung phân bổ	22,70	Cộng	105,70 (0.5đ)	1																																	
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp trên 1 sp	35																																										
Chi phí nhân công trực tiếp trên 1 sp	48																																										
Chi phí chung phân bổ	22,70																																										
Cộng	105,70 (0.5đ)																																										
Nội dung 2	<p><u>Theo phương pháp giá thành dựa trên hoạt động</u></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Hoạt động</th> <th>Chi phí</th> <th>Mức độ hoạt động</th> <th>Tỷ lệ phân bổ chi phí chung</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Lắp ráp</td> <td>525,000</td> <td>35,000 Giờ máy</td> <td>15.00 \$/giờ máy</td> </tr> <tr> <td>Xử lý đơn đặt hàng</td> <td>32,800</td> <td>1,600 Đơn đặt hàng</td> <td>20.50 \$/đơn đặt hàng</td> </tr> <tr> <td>Kiểm tra</td> <td>9,760</td> <td>800 Giờ kiểm tra</td> <td>12.20 \$/giờ kiểm tra</td> </tr> <tr> <td></td> <td></td> <td>(0.75đ)</td> <td>(0.75đ)</td> </tr> </tbody> </table> <p>Giá bán trên 1 sản phẩm</p> <table border="1"> <tbody> <tr> <td>Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp trên 1 sp</td> <td>35</td> </tr> <tr> <td>Chi phí nhân công trực tiếp trên 1 sp</td> <td>48</td> </tr> <tr> <td>Lắp ráp</td> <td>21</td> </tr> <tr> <td>Xử lý đơn đặt hàng</td> <td>3,08</td> </tr> <tr> <td>Kiểm tra</td> <td>0,31</td> </tr> <tr> <td>Cộng</td> <td>107,38 (0.5đ)</td> </tr> </tbody> </table>	Hoạt động	Chi phí	Mức độ hoạt động	Tỷ lệ phân bổ chi phí chung	Lắp ráp	525,000	35,000 Giờ máy	15.00 \$/giờ máy	Xử lý đơn đặt hàng	32,800	1,600 Đơn đặt hàng	20.50 \$/đơn đặt hàng	Kiểm tra	9,760	800 Giờ kiểm tra	12.20 \$/giờ kiểm tra			(0.75đ)	(0.75đ)	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp trên 1 sp	35	Chi phí nhân công trực tiếp trên 1 sp	48	Lắp ráp	21	Xử lý đơn đặt hàng	3,08	Kiểm tra	0,31	Cộng	107,38 (0.5đ)	2									
Hoạt động	Chi phí	Mức độ hoạt động	Tỷ lệ phân bổ chi phí chung																																								
Lắp ráp	525,000	35,000 Giờ máy	15.00 \$/giờ máy																																								
Xử lý đơn đặt hàng	32,800	1,600 Đơn đặt hàng	20.50 \$/đơn đặt hàng																																								
Kiểm tra	9,760	800 Giờ kiểm tra	12.20 \$/giờ kiểm tra																																								
		(0.75đ)	(0.75đ)																																								
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp trên 1 sp	35																																										
Chi phí nhân công trực tiếp trên 1 sp	48																																										
Lắp ráp	21																																										
Xử lý đơn đặt hàng	3,08																																										
Kiểm tra	0,31																																										
Cộng	107,38 (0.5đ)																																										
	Điểm tổng	10.0																																									

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 6 năm 2024

Giảng viên ra đề

Người duyệt đề

TS.Lê Phan Thanh Hòa

Th.s Lê Như Hoa